

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH NHAI
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2019/HSST
Ngày 17/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tráng A Ténh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thái Hà, hiệu trưởng Trường trung học cơ sở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

2. Ông Điều Chính Vĩnh, cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lò Thị Thu Hà, cán bộ toà án nhân dân huyện Quỳnh Nhai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai tham gia phiên toà: Ông Lừ Văn Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST ngày 21/12/2018 đối với bị cáo sau đây:

Đào Văn M, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1984. Nơi ĐKKHKT: Xóm Y, khu 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Dân tộc Kinh. Quốc tịch Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá lớp 12/12, nghề nghiệp lao động tự do.

Con ông Đào Văn N, sinh năm 1958 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961, nơi ĐKKHKT: Xóm Y, khu 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011, hiện đều nơi ĐKKHKT: Xóm Y, khu 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 3 tiền án:

- Ngày 31/10/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tây xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 tháng về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 24/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tây xử phạt 48 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 17/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, bồi thường dân sự, án phí, xét đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới đã được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại:

Ông Tòng Văn T, sinh năm 1962, trú quán: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

3.1. Chị Lò Thị Ph, sinh ngày 11/11/2001, trú tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Đại diện hợp pháp cho Lò Thị Ph là bà Lò Thị X, trú tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3.2. Ông Lò Văn T, sinh năm 1992, trú tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có đơn xin vắng mặt.

3.3. Ông Lò Văn P, sinh năm 1958, trú tại bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La, (P đã ốm chết do bệnh lý).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đào Văn M từ Hà Nội lên thăm bạn là Lò Thị Ph (Con gái của bà Lò Thị X) tại bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, khoảng 8 giờ ngày 16/5/2018 M mượn xe máy BKS 26H1 – 012.47 của anh Lò Văn T nói là đi vào UBND xã M làm thủ tục đăng ký tạm trú, tạm vắng, trên đường đi M đi vào nhà của anh Tòng Văn T hỏi mua thẻ điện thoại, nhưng không có ai ở nhà, M lên cầu thang lên tầng 2 thấy cửa không khóa, M đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, quan sát thấy chiếc đực để trên bậc cầu thang nên nhặt lấy đi vào trong nhà thấy chiếc tủ ly hai ngăn lắp khóa, M dùng đực cạy cánh tủ bên trong giáp với tường nhà và phát hiện bên trong tủ có chiếc giỏ nhựa màu vàng đựng 72 chiếc thẻ Viettel đều có mệnh giá 20.000 đồng/1 chiếc và 7.400.000 đồng tiền mặt, M đã lấy toàn bộ số thẻ và tiền, sau khi lấy xong M điều khiển xe máy về trả cho Lò Văn T, sau đó M đã nạp 34 thẻ vào số thuê bao 0965406627 và nạp 06 thẻ vào số thuê bao 01658489410 mà M đang sử dụng, M cho Lò Thị Ph (con của bà X) 17 thẻ, cho Lò Văn T 7 thẻ, (sau đó T cho tiếp cho Lò Văn Ch 01 thẻ) và Lò Văn P 01 thẻ, số thẻ còn lại M cho một số người không biết họ tên và địa chỉ. Số tiền trộm cắp được M đã tiêu sài cá nhân hết, tổng 72 thẻ

có trị giá là 1.440.000 đồng, tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.840.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSQN ngày 20/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo Đào Văn M về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn M từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về việc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tiền công truy tìm tài sản và tiền sửa chữa cánh tủ là 5.500.000 đồng.

Đề nghị trả lại cho ông Tòng Văn T 01 chiếc đũa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thực hiện đường lối tố tụng trong vụ án, Xét thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai và Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng trong vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Đối với Lò Thị Ph khi được Đào Văn M cho số thẻ điện thoại để nạp vào điện thoại của Ph, Ph chưa đủ 18 tuổi (Ph sinh ngày 11/11/2001), Ph không biết số thẻ trên là do bị cáo phạm tội mà có, việc cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai đối với Lò Thị Ph đã có người đại diện hợp pháp của Lò Thị Ph cùng tham gia tố tụng và cơ quan điều tra đã thông báo cho Lò Thị Ph biết về việc được nhờ người bào chữa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án.

Căn cứ vào đơn trình báo của người bị hại Tòng Văn T về việc bị tội phạm trộm cắp tài sản, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thừa nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp tài sản của anh Tòng Văn T là 72 thẻ Viettel mỗi thẻ có mệnh giá là 20.000 đồng và 7.400.000 đồng tiền VNĐ, số thẻ trộm cắp được Mạnh đã cho Lò Thị Ph 17 thẻ, cho Lò Văn T 07 thẻ, cho Lò Văn Ph 01 thẻ, số còn lại bị cáo cho một số người không biết họ tên và địa chỉ là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đào Văn M phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Xét tính chất vụ án:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ số tài sản bị cáo chiếm đoạt là thuộc quyền sở hữu của người khác, không được sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản, nhưng bị cáo đã cố tình lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trước đó bị cáo đã có 3 tiền án cụ thể: Ngày 31/10/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tây xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 tháng về tội trộm cắp tài sản. Ngày 24/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tây xử phạt 48 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 17/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. qua điều tra xác minh bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, án phí và trách nhiệm dân sự và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự, xét nhân thân bị cáo là rất xấu, do vậy cần lên mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tổng thiệt hại bị cáo đã bồi thường toàn bộ, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào đối với bị cáo.

Đối với Lò Thị Ph, Lò Văn P và Lò Văn T là những người được Đào Văn M cho số thẻ đã trộm cắp mà có, nhưng đều không biết là thẻ do bị cáo phạm tội mà có, do vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q không xử lý đối với Lò Thị Ph, Lò Văn P và Lò Văn T là có căn cứ.

Đối với Lò Văn T là người cho Đào Văn M mượn xe nói là đi làm đăng ký tạm trú, tạm vắng, việc M dùng xe máy của Lò Văn T đi thực hiện hành vi phạm tội, Lò Văn T không biết, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q không xử lý đối với Lò Văn T là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Lò Văn P sau khi được bị cáo cho 01 thẻ, Lò Văn P về nhà đã bị ốm chết.

Vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105, IMEI 359968/05/047996/8 màu xanh đen lắp số thuê bao 0962.430.327 điện thoại đã qua sử dụng, xét là điện thoại của bị cáo không sử dụng vào hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo Đào Văn M.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS màu vàng nhạt, IMEI 354837095932643 lắp số thuê bao 0865.442.655 điện thoại đã qua sử dụng,

xét là điện thoại của bị cáo không sử dụng vào hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo Đào Văn M.

01 chiếc đục dài 22,5cm, cán bằng gỗ, hình bát giác, có chiều rộng 2,5 cm, thân đục bằng kim loại dài 12cm, lưỡi đục dài 3cm, rộng 0,5 cm, xét là tài sản của người bị hại bị tội phạm dùng làm công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, cần trả lại cho người bị hại

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tổng toàn bộ số tài sản bị cáo chiếm đoạt, bị cáo đã bồi thường đầy đủ, tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về tài sản, nhưng có yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền công truy tìm tài sản và tiền chi phí khôi phục cánh tủ bị cáo đã cạy phá với tổng số tiền là 5.500.000 đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo nhất trí trả như yêu cầu của người bị hại, xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận về việc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tổng số tiền trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Với các căn cứ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đào Văn M phạm tội trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn M 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày (bị bắt tạm giữ, tạm giam) 15/10/2018.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đào Văn M.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự, Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về việc bị cáo phải bồi thường tiền công truy tìm tài sản và tiền khôi phục lại cánh tủ do bị cáo đã dùng đục cạy phá cho người bị hại với tổng số tiền là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn bồi thường tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/1/2019).

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105, IMEI 359968/05/047996/8 màu xanh đen lắp số thuê bao 0962.430.327 điện thoại đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS màu vàng nhạt, IMEI 354837095932643 lắp số thuê bao 0865.442.655 điện thoại đã qua sử dụng.

Trả lại cho ông Tòng Văn T 01 chiếc đục dài 22,5cm, cán bằng gỗ, hình bát giác, có chiều rộng 2,5 cm, thân đục bằng kim loại dài 12cm, lưỡi đục dài 3cm, rộng 0,5 cm.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự theo giá ngạch là 275.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng hai khoản án phí buộc bị cáo phải chịu là 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Báo cho bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của Lò Thị Ph biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Lò Văn T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THA huyện Q;
- CA huyện Q;
- Trại giam;
- Người bị hại;
- Người liên quan
- Bị cáo + Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tráng A Tẻnh